

Bản án số: 31/20222/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Diễm Chi.
2. Ông Đặng Văn Trị.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/ QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1994 (có mặt).

Trú tại: Khu phố D 2, phường H, thị xã HN, Bình Định.

- Bị đơn: Anh Trương Đoàn Lưu N, sinh năm 1994 (Vắng mặt).

Trú tại: X/Y QT, thị trấn P, huyện T, Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Chị và anh Trương Đoàn Lưu N1 tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục; có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, Gia Lai vào ngày 21/5/2018. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống; anh N1 nghe lời mẹ và chị gái, thêm vào mâu thuẫn giữa chị với gia đình chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi xức phạm nhau. Khi chị mang thai được 5 tháng thì xin về bên nhà cha mẹ ruột để dưỡng thai và sinh con. Từ đó đến nay anh N1 hoàn toàn bỏ mặc, không thăm hỏi, quan tâm gì đến mẹ con chị, vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ phần ai

nấy sống. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương gì chỉ yêu cầu ly hôn anh Trương Đoàn Lưu N1.

- Về con chung: chị và anh Trương Đoàn Lưu N1 có 01 con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 18/6/2019 (hiện đang sống với chị). Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trương Hoàng T đến trưởng thành; không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Trương Đoàn Lưu N1 vắng mặt không có lý do: Anh Trương Đoàn Lưu N1 đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập, Quyết định xét xử nhưng vẫn vắng mặt, không cung cấp lời khai và yêu cầu đối với vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 02/3/2022, Công an thị trấn P cung cấp: anh Trương Đoàn Lưu N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà X/Y QT, thị trấn P, huyện T, Bình Định theo hộ khẩu của cha ruột là ông Trương Mạnh H; anh N đi làm ăn xa thỉnh thoảng về địa phương sinh sống, chưa làm thủ tục chuyển khẩu, cắt khẩu đi nơi khác.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm (tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát). Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 BLTT Dân sự 2015. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72, 73 BLTT Dân sự 2015.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên xử: Chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn anh Trương Đoàn Lưu N1. Về con chung: giao con chung là Trương Hoàng T, sinh ngày 18/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N được tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc đến trưởng thành; về cấp dưỡng nuôi con: chị N không yêu cầu nên miễn xét. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét. Án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Trương Đoàn Lưu N1 vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N và anh Trương Đoàn Lưu N1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn K, huyện K, Gia Lai vào ngày 21/5/2018 đúng theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, chị N, anh N1 chung sống đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống với gia đình chồng nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Khi chị N về bên nhà cha mẹ ruột để dưỡng thai và sinh con (5/2019) thì từ đó đến nay anh N1 hoàn toàn bỏ mặc, không thăm hỏi, quan tâm gì đến mẹ con chị N, vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống. Vợ chồng xa cách đã lâu, anh N1 vẫn không quan tâm, bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Như vậy, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N yêu cầu ly hôn với anh N1 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị N và anh Trương Đoàn Lưu N1 01 con chung tên Trương Hoàng T, sinh ngày 18/6/2019 (hiện đang sống với chị N). Khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Trương Hoàng T. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu này của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của trẻ, nghị nên chấp nhận.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, chị N rút yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu anh N1 phải cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[3] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: cần buộc chị Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007150 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm N:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm N được ly hôn anh Trương Đoàn Lưu N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Hoàng T (nam), sinh ngày 18/6/2019 cho chị Nguyễn Thị Cẩm N tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu - miễn xét.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng vẫn có quyền thăm nom, giúp đỡ con chung, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

2. Về án ly hôn sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Cẩm N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0007150 ngày 23/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn; chị N đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;

TÒA

- VKSND huyện Tây Sơn;

- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;

- UBND thị trấn K, huyện K, Gia Lai;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM, HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Thị Giang Nam

